TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:50/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2024
V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Duyên
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Võ
Bà Phan Phương Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị M, sinh năm 1989;
Nơi ĐKHKTT: Khu E, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;
Nơi tạm trú: TDP H, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987;
Nơi cư trú: Khu E, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
Chị M, anh T đều vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và nội dung tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Triệu Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào ngày 28 tháng 9 năm 2020 trên cơ sở hai bên tự nguyện tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do có nhiều quan điểm bất đồng, hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 11/2023 cho đến nay chị và anh T đã sống ly

thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T nhưng anh T vắng mặt tại phiên họp và hòa giải. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh T cư trú và tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Văn T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/224, anh T xác nhận: Về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn giữa anh và chị M như nội dung trong đơn khởi kiện, lời khai của chị M tại Tòa án là đúng. Sau khi kết hôn, anh có đến làm việc ở Thái Nguyên một thời gian, sau đó anh về Bằng L còn chị M ở lại và tiếp tục làm việc tại Thái Nguyên. Trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều quan điểm bất đồng, không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 11/2023 chị M không về gia đình anh nữa, anh cũng đã đến Thái Nguyên tìm gặp nhưng chị M đã chuyển chỗ ở mới và từ đó không liên lạc, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì chị tự đến Tòa làm việc và anh tôn trọng quyết định của chị M.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh và chị M không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh T không thực hiện quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị M và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Triệu Thị M và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Triệu Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T, nơi cư trú tại khu E, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định vụ án có quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Triệu Thị M và bị đơn là anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các bên đương sự là hoàn toàn phù hợp các quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị M và anh Nguyễn Văn T đã được UBND xã B đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 9 năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, từ nhiều tháng nay chị M và anh T đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn lại nếu cứ tiếp tục ràng buộc cũng không có hạnh phúc mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị M và anh T thuận tình ly hôn là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy đinh tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh T đều xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị M và anh T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3.] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị M và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Triệu Thị M và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Triệu Thị M và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Triệu Thị M nhận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002245 ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Trả lại cho chị M số tiền là 150.000.đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo chị M, anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã Bằng Luân;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Bùi Thị Duyên